

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ 01/01/2017 ĐẾN 30/06/2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC	10 - 37

3210
CÔNG
TỔNG
S VÀ
CHI
MI
P VINA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tham gia điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hồng Phúc	Chủ tịch
Ông Đào Viết Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Đăng Phát	Thành viên
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên
Ông Võ Đức Nhân	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Mai Thị Liên	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Bích Xuân	Thành viên
Ông Lê Sỹ Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Đào Viết Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Phát	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Võ Đức Nhân	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh Miền Trung.

62-002-
TY TNHH
KIỂM TOÁN VÀ
TƯ VẤN UHY-ACA
CHI NHÁNH
MIỀN TRUNG
H.T. NGHE

M.S.C.N.A.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



LÊ QUỐC KHÁNH

Tổng Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Chi nhánh Miền Trung/ Central Branch:

P.1301 Chung cư Tháp đôi Dầu khí, số 7 Đ. Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An
Suite 1301, Petrol Building, 7 Quang Trung Str., Vinh City, Nghe An Province
Tel: (038) 3 848 810

Fax: (038) 3 560 040

Số: 49/2017BCKT-UHY ACA MT

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh, (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 08 năm 2017, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



NGUYỄN DUY TUẤN

Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 1951-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
UHY ACA – CHI NHÁNH MIỀN TRUNG**

Nghệ An, ngày 10 tháng 8 năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		150.069.857.168	144.768.625.280
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.165.931.407	10.816.725.381
111	1. Tiền		3.165.931.407	10.816.725.381
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		88.507.572.579	77.480.982.666
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	75.254.879.493	68.894.630.389
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		9.987.032.573	2.280.564.353
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	6	3.265.660.513	6.305.787.924
140	IV. Hàng tồn kho	7	58.161.134.321	54.964.673.036
141	1. Hàng tồn kho		58.161.134.321	54.964.673.036
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		235.218.861	1.506.244.197
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	-	1.309.067.411
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		182.182.221	197.176.786
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	15	53.036.640	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		85.510.557.205	89.750.640.962
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		148.000.000	48.000.000
216	6. Phải thu dài hạn khác	6	148.000.000	48.000.000
220	II. Tài sản cố định		78.517.477.452	82.945.139.149
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	77.077.752.455	81.484.164.150
222	- Nguyên giá		140.754.584.615	138.699.685.578
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(63.676.832.160)	(57.215.521.428)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	1.439.724.997	1.460.974.999
228	- Nguyên giá		1.471.600.000	1.471.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(31.875.003)	(10.625.001)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	154.425.454	131.817.818
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		154.425.454	131.817.818
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.690.654.299	6.625.683.995
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	6.690.654.299	6.625.683.995
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		235.580.414.373	234.519.266.242

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		159.642.679.384	156.143.400.570
310	I. Nợ ngắn hạn		132.375.732.774	115.268.556.862
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	49.407.132.728	48.644.418.700
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.952.934.021	310.729.128
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.425.857.590	996.219.560
314	4. Phải trả người lao động		4.754.804.298	5.707.944.614
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	6.197.337.397	5.103.648.920
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	16	5.947.034.218	6.010.737.884
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	57.079.732.562	48.417.722.026
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		610.899.960	77.136.030
330	II. Nợ dài hạn		27.266.946.610	40.874.843.708
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	26.812.642.671	39.717.782.674
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	17	454.303.939	1.157.061.034
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		75.937.734.989	78.375.865.672
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	74.968.762.862	77.379.024.229
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		58.513.100.000	58.513.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		58.513.100.000	58.513.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.223.600.000	2.223.600.000
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		10.090.810.784	8.590.810.784
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.141.252.078	8.051.513.445
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		203.445	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		4.141.048.633	8.051.513.445
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		968.972.127	996.841.443
431	1. Nguồn kinh phí		(207.864.997)	(207.864.997)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.176.837.124	1.204.706.440
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		235.580.414.373	234.519.266.242

Người lập biểu

PHAN THỊ TÌNH

Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐĂNG PHÁT



Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 8 năm 2017
Tổng Giám đốc

LÊ QUỐC KHÁNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	185.262.386.359
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	2.009.305.993
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	183.253.080.366
11	4. Giá vốn hàng bán	23	134.791.134.292
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.461.946.074
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	74.478.979
22	7. Chi phí tài chính	25	3.246.103.361
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.226.054.184
25	8. Chi phí bán hàng	26	30.635.643.384
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	9.587.740.161
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.066.938.147
31	11. Thu nhập khác		30.697.937
32	12. Chi phí khác		14.264.036
40	13. Lợi nhuận khác		16.433.901
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.083.372.048
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	942.323.415
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.141.048.633
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	708
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		708

(Không có số liệu so sánh vì Công ty không lập báo cáo tài chính cho kỳ từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016)

Người lập biểu

PHAN THỊ TÌNH

Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐĂNG PHÁT

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 8 năm 2017
Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC KHÁNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MÃ SỐ B 03a-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
01	1. Lợi nhuận trước thuế	5.083.372.048
	2. Điều chỉnh cho các khoản	
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	6.482.560.734
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(4.314.610)
06	- Chi phí lãi vay	3.226.054.184
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	14.787.672.356
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(11.264.631.988)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(3.196.461.285)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	6.724.642.826
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	1.244.097.107
14	- Tiền lãi vay đã trả	(3.226.054.184)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(565.921.890)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	245.340.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(231.845.386)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	4.516.837.556
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	(2.077.506.673)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.314.610
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.073.192.063)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	
33	3. Tiền thu từ đi vay	114.386.542.624
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(118.629.672.091)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(5.851.310.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(10.094.439.467)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(7.650.793.974)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	10.816.725.381
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3.165.931.407

(Không có số liệu so sánh vì Công ty không lập báo cáo tài chính cho kỳ từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016)

Người lập biểu

PHAN THỊ TÌNH

Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐĂNG PHÁT

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 8 năm 2017
Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC KHÁNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (sau đây gọi là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 3000104879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần thứ 10 ngày 08 tháng 09 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/06/2017 là 58.513.100.000 đồng chia thành 5.851.310 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp tại ngày 30/06/2017 là 58.513.100.000 đồng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2017 là 615 người.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh, bán buôn, bán lẻ và xuất nhập khẩu thuốc chữa bệnh; Sản xuất nguyên phụ liệu, sản xuất thuốc, hoá chất, dược liệu, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất rượu vang; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: sản xuất đồ uống không cồn; Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ và xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, hoá chất, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người. Bán lẻ vắc xin, sinh phẩm y tế;
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng. Tư vấn thuốc và sức khoẻ;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn và xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, hoá chất, dược liệu, thực phẩm thuốc, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế; Bán buôn vắc xin, sản phẩm y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước uống tinh khiết, nước giải khát; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, tài sản trên đất;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát, thi công các công trình lắp đặt, xây dựng máy móc thiết bị y tế và dược phẩm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng, thi công, lắp đặt các công trình, máy móc, thiết bị y tế và dược phẩm; Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 CHU KỶ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị:

Trụ sở chính
Chi nhánh T.P Hà Nội
Chi nhánh T.P Hồ Chí Minh
Chi nhánh tỉnh Thanh Hoá
Chi nhánh huyện Lộc Hà
Chi nhánh huyện Kỳ Anh
Chi nhánh TP Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Thạch Hà
Chi nhánh huyện Cẩm Xuyên
Chi nhánh huyện Can Lộc
Chi nhánh thị xã Hồng Lĩnh
Chi nhánh huyện Nghi Xuân
Chi nhánh huyện Đức Thọ
Chi nhánh huyện Hương Sơn
Chi nhánh huyện Hương Khê
Chi nhánh huyện Vũ Quang

Địa chỉ:

167 Hà Huy Tập, phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Số 3, ngõ 122, đường Láng, quận Đống Đa, TP Hà Nội
68/118 Đồng Nai, phường 15, quận 10, TP Hồ Chí Minh
510 Hải Thượng Lãn Ông, TP Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
Xóm 1, xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Khu phố 2, thị trấn Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
167 Hà Huy Tập, phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Khối 10, thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Tổ 13, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
Khối 6B, thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
Khối 4, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Khối 4, thị trấn Nghi Xuân, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
Xóm Cầu Đồi, xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
Khối 1, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
Khối 8, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
Thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp); Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 15
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Phần mềm máy tính	05 - 25
- Quyền sử dụng đất lâu dài	06 - 10

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí phát sinh liên quan đến việc phát hành thêm cổ phiếu (trừ các ảnh hưởng thuế) được ghi giảm trừ thặng dư vốn cổ phần

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

062-0
TY TNHH
TOÁN
UHY-P
HÁN
TRUNG
NGHỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

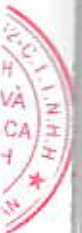
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

202106
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC HÀ TĨNH
VĂN PHÒNG
HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH

167 HÀ HUY TẬP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.672.832.781	753.612.114
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	793.098.626	9.393.985.267
Tiền đang chuyển	700.000.000	669.128.000
Tổng	<u>3.165.931.407</u>	<u>10.816.725.381</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công ty cổ phần Thương mại và Dược phẩm Bình Minh	1.926.771.348	2.178.371.865
- Công ty Cổ phần Rosabela Việt Nam	3.196.402.694	2.683.581.260
- Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	2.773.411.397	2.676.314.274
- Bệnh viện đa khoa huyện Kỳ Anh	3.040.737.620	3.054.253.192
- Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	64.317.556.434	58.302.109.798
Tổng	<u>75.254.879.493</u>	<u>68.894.630.389</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.265.660.513	-	6.305.787.924	-
- Ban điều phối dự án SRDP-IWMC Hà Tĩnh	586.487.272	-	537.587.272	-
- Tiền cổ tức 2016 đã ứng	-	-	2.925.655.000	-
- Nhân viên mượn tiền	615.500.000	-	728.000.000	-
- Tạm ứng	1.026.023.499	-	635.631.502	-
- Phải thu khác	1.037.649.742	-	1.478.914.150	-
b) Dài hạn	148.000.000	-	48.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	148.000.000	-	48.000.000	-

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.044.255.523	-	16.404.783.389	-
Chi phí SXKD dở dang	3.372.761.919	-	2.245.946.073	-
Thành phẩm	22.545.686.275	-	19.625.664.512	-
Hàng hóa	7.653.480.356	-	11.991.725.248	-
Hàng gửi bán	6.544.950.248	-	4.696.553.814	-
Tổng	58.161.134.321	-	54.964.673.036	-

8. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công trình khác	154.425.454	131.817.818
Tổng	154.425.454	131.817.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	71.390.987.047	56.292.837.775	10.403.620.357	612.240.399	138.699.685.578
Số tăng trong kỳ	1.252.492.410	802.406.627	-	-	2.054.899.037
- Mua trong kỳ	-	802.406.627	-	-	802.406.627
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.252.492.410	-	-	-	1.252.492.410
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	72.643.479.457	57.095.244.402	10.403.620.357	612.240.399	140.754.584.615
Trong đó:					
- Đã hết khấu hao còn sử dụng	4.538.085.126	10.633.383.463	200.000.000	530.440.399	15.901.908.988
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	24.529.352.439	28.344.018.065	3.763.970.214	578.180.710	57.215.521.428
Số tăng trong kỳ	2.546.251.243	3.242.527.832	664.351.659	8.179.998	6.461.310.732
- Khấu hao trong kỳ	2.546.251.243	3.242.527.832	664.351.659	8.179.998	6.461.310.732
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	27.075.603.682	31.586.545.897	4.428.321.873	586.360.708	63.676.832.160
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	46.861.634.608	27.948.819.710	6.639.650.143	34.059.689	81.484.164.150
Tại ngày cuối kỳ	45.567.875.775	25.508.698.505	5.975.298.484	25.879.691	77.077.752.455

162
TỶ TÍNH
OẢN
HY
TÁN
JUNG
GHỀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.301.600.000	170.000.000	1.471.600.000
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>1.301.600.000</u>	<u>170.000.000</u>	<u>1.471.600.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	10.625.001	10.625.001
Số tăng trong kỳ	-	21.250.002	21.250.002
- Khấu hao TSCĐ trong kỳ	-	21.250.002	21.250.002
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	<u>31.875.003</u>	<u>31.875.003</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	1.301.600.000	159.374.999	1.460.974.999
Tại ngày cuối kỳ	<u>1.301.600.000</u>	<u>138.124.997</u>	<u>1.439.724.997</u>

(*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài nên Công ty không trích khấu hao.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	-	1.309.067.411
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	441.600.162
- Chi phí hội nghị khách hàng	-	867.467.249
Dài hạn	6.690.654.299	6.625.683.995
- Chi phí san nền, giải phóng MB, khảo sát ở Cẩm Vịnh	4.447.756.270	4.657.256.266
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.479.457.825	1.129.068.407
- Sửa chữa, cải tạo Văn phòng, nhà máy	763.440.204	839.359.322

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	49.407.132.728	49.407.132.728	48.644.418.700	48.644.418.700
- Công ty CP TRAPHACO	1.231.047.827	1.231.047.827	3.818.287.351	3.818.287.351
- Công ty CP Dược MP Tenamyd- CN Hà Nội	3.173.870.984	3.173.870.984	2.698.566.704	2.698.566.704
- Phải trả người bán khác	45.002.213.917	45.002.213.917	42.127.564.645	42.127.564.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn

	30/06/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh (i)	28.865.940.408	28.865.940.408	63.006.047.630	66.589.804.880	32.449.697.658	32.449.697.658
Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh (*)	4.966.000.003	4.966.000.003	4.966.000.003	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh (ii)	17.744.571.151	17.744.571.151	44.060.472.042	35.590.103.457	9.274.202.566	9.274.202.566
Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh (*)	282.060.000	282.060.000	282.060.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh (iii)	3.309.911.000	3.309.911.000	7.320.022.952	10.703.933.754	6.693.821.802	6.693.821.802
Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh (*)	1.911.250.000	1.911.250.000	1.911.250.000	-	-	-
Tổng	57.079.732.562	57.079.732.562	121.545.852.627	112.883.842.091	48.417.722.026	48.417.722.026

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 16/2546/KHDN ngày 27/06/2016 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Hà Tĩnh; Hạn mức dư nợ: 20.000.000.000 VND; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay: 03 tháng kể từ ngày rút vốn (theo từng giấy nhận nợ). Lãi suất vay: chi tiết theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo được quy định tại các hợp đồng đảm bảo số 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2014; 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; 16/2501TC/VCB.HTI ngày 22/02/2016 ký giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh và Công ty CP Dược Hà Tĩnh. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2017 là 28.865.940.408 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

a) Vay ngắn hạn (Tiếp theo)

(ii) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/511085/HĐTĐ ngày 23/05/2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh; Hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền là 30.000.000.000 VND; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Tài sản đảm bảo: thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03/2010/HĐTĐ ngày 28/05/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTĐ ngày 28/05/2010 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2010/HĐTĐ ngày 28/05/2010; Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2017 là 17.744.571.151 đồng.

(iii) Hợp đồng tín dụng số 1604.0074/HĐTĐHM/NHCT430-CTYDUOCHATINH ngày 28/9/2016 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh; Hạn mức cho vay với tổng dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 15.000.000.000 VND; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh ngành dược; Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng; Lãi suất vay: lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ; Tài sản thế chấp theo 02 hợp đồng bao gồm: Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 15040081 ký ngày 10/08/2015 giữa Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh - CN được phẩm huyện Can Lộc và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh; Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 15040180 ký ngày 25/11/2015 giữa Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2017 là 3.309.911.000 đồng.

(*) Khoản vay dài hạn đến hạn trả được thuyết minh chi tiết ở thuyết minh số 13.b

b) Vay dài hạn

	30/06/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
		Giá trị VND				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh (iv)	25.632.012.671	25.632.012.671	-	9.408.000.003	35.040.012.674	35.040.012.674
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh (v)	609.380.000	609.380.000	-	699.640.000	1.309.020.000	1.309.020.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh (vi)	571.250.000	571.250.000	-	2.797.500.000	3.368.750.000	3.368.750.000
Tổng	26.812.642.671	26.812.642.671	-	12.905.140.003	39.717.782.674	39.717.782.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

b) Vay dài hạn (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(iv) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 13/2011/VCB.HTI ngày 30/01/2013; Số tiền vay 1.330.000.000 VND; Thời hạn vay là 72 tháng; Lãi suất vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng từng kỳ; Mục đích vay: dùng để mua sắm thiết bị nhập khẩu để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP-WHO. Hình thức đảm bảo tiền vay: toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2017 là: 430.333.334 đồng, trong đó, số dư đến hạn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày 30/6/2017 là: 256.000.000 đồng.

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 14/1299/VCB.HTI ngày 24/12/2014; Số tiền vay 50.000.000.000 VND; Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cố định 7,5% áp dụng cho 12 tháng đầu tiên, trong thời hạn vay vốn còn lại: lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 2,5%/năm; Mục đích vay: dùng để trả nợ phần vốn vay cho dự án Nhà máy Đông được đạt tiêu chuẩn GMP-WHO công suất 690 triệu viên/năm với số tiền 44.716.593.117 VND và thanh toán các hạng mục còn lại của dự án Nhà máy Đông được; Hình thức đảm bảo tiền vay: toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2017 là: 29.153.000.000 đồng, trong đó, số dư đến hạn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày 30/6/2017 là: 4.170.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 15/3529/VCB.HTI ngày 29/06/2015; Số tiền vay 800.000.000 VND; Mục đích vay: mua sắm máy móc thiết bị sản xuất; Thời hạn vay là 36 tháng; Lãi suất vay cố định 12 tháng đầu 7,2%/năm, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2017 là: 299.679.340 đồng, trong đó số dư gốc vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày 30/6/2017 là: 268.000.003 đồng.

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 16/2582 ngày 26/10/2016 giữa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh và Công ty CP Dược Hà Tĩnh; Số tiền vay tối đa là 1.000.000.000 đồng; Mục đích vay là: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án và Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp mà Bên vay đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quyết định đầu tư đối với Dự án; Lãi suất 7,5% theo hợp đồng vay; thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ghi trên hợp đồng vay, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay; Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2017 là: 715.000.000 đồng, trong đó số dư gốc vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày 30/6/2017 là: 272.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TỈNH

167 Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

b) Vay dài hạn (tiếp)

(iv) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/511085/HĐTD ngày 21/05/2014 với hạn mức vay tối đa là 30.000.000.000 VND; Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động; Hình thức đảm bảo tiền vay: Chi tiết theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTC ngày 28/05/2010, số 02/2010/HĐTC ngày 28/05/2010 và số 03/2010/HĐTC ngày 28/05/2010. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2017 là 891.440.000 đồng, trong đó số dư gốc vay đến hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày 30/6/2017 là: 282.060.000 đồng.

(vi) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 15040060/2015/HĐTDDA/NHCT430-CTYDUOCHATINH ngày 11/08/2015 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh; Số tiền vay không vượt quá 2.500.000.000 VND được giải ngân một lần hoặc nhiều lần vào bất kỳ thời điểm nào trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Xây trụ sở làm việc, quầy bán hàng kiểm kho chi nhánh được phẩm Can Lộc; Thời hạn vay là 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Thời gian ân hạn là 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 15040081 ký ngày 10/08/2015 giữa Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh - Chi nhánh Dược phẩm huyện Can Lộc và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2017 là 1.537.500.000 đồng, trong đó số dư gốc vay đến hạn trả tổng vòng 12 tháng kể từ ngày 30/6/2017 là: 1.281.250.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 16040001/2016-HĐTDHM/NHCT430-CTY CP DƯỢC HÀ TỈNH ngày 12/01/2016 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh; Số tiền vay không vượt quá 1.890.000.000 VND đồng, được giải ngân một lần hoặc nhiều lần bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn giải ngân (trong vòng 03 ngày kể từ ngày 12/01/2016); Mục đích vay: Vay để đầu tư mua sắm xe ô tô Lexus ES350; Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm; Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 16040004 ngày 12/01/2016 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh với Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2017 là 945.000.000 đồng, trong đó số dư gốc vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày 30/6/2017 là: 630.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp	Số thực nộp	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	397.212.188	2.555.901.857	2.392.602.282	560.511.763
Thuế TTĐB	290.263.660	691.155.677	828.390.357	153.028.980
Thuế XK, NK	-	27.276.000	80.312.640	(53.036.640)
Thuế TNDN	259.277.488	942.323.415	565.921.890	635.679.013
Thuế TNCN	49.466.224	428.885.091	401.713.481	76.637.834
Thuế nhà đất	-	445.783.300	445.783.300	-
Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
Phí, lệ phí	-	18.846.613	18.846.613	-

Trong đó

Trình bày là phải thu	-	53.036.640
Trình bày là phải trả	996.219.560	1.425.857.590

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	6.197.337.397	5.103.648.920
Chi phí bán hàng phải trả	6.197.337.397	4.986.908.373
Chi phí lãi vay	-	116.740.547

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	5.947.034.218	6.010.737.884
Kinh phí công đoàn	163.919.293	343.194.911
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.350.985.390	1.125.887.595
Tiền ký cược của trình dược viên	3.457.762.642	3.350.162.642
Các khoản phải trả, phải nộp khác	974.366.893	1.191.492.736

17. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Năm 2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.157.061.034	746.801.302
- Bổ sung nguồn quỹ trong kỳ	-	1.106.000.000
- Sử dụng quỹ trong kỳ	(702.757.095)	(344.833.579)
Số dư cuối kỳ	454.303.939	1.157.061.034



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu kỳ này	58.513.100.000		2.223.600.000		8.590.810.784		8.051.513.445		77.379.024.229
Lãi trong kỳ này	-		-		-		4.141.048.633		4.141.048.633
Phân phối lợi nhuận (i)	-		-		1.500.000.000		(8.051.310.000)		(6.551.310.000)
Số dư cuối kỳ này	58.513.100.000		2.223.600.000		10.090.810.784		4.141.252.078		74.968.762.862



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (tiếp)

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	1.500.000.000
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	700.000.000
- Chia cổ tức (8% trên Vốn đầu tư của chủ sở hữu)	5.851.310.000
Cộng	8.051.310.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2017	Tỷ lệ	01/01/2017	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Do pháp nhân nắm giữ	3.400.000.000	5,81	3.400.000.000	5,81
- Do thể nhân nắm giữ	55.113.100.000	94,19	55.113.100.000	94,19
<i>Trong đó</i>				
- Ông Lê Hồng Phúc	3.026.970.000	5,17	3.026.970.000	5,17
- Ông Nguyễn Đăng Phát	3.529.970.000	6,03	3.529.970.000	6,03
- Ông Lê Quốc Khánh	3.515.660.000	6,01	3.515.660.000	6,01
- Các thể nhân khác	45.040.500.000	76,98	45.040.500.000	76,98
Tổng	58.513.100.000	100,00	58.513.100.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu kỳ	58.513.100.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối kỳ	58.513.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.633.089.500
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.633.089.500

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.851.310	5.851.310
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.851.310	5.851.310
- Cổ phiếu phổ thông	5.851.310	5.851.310
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.851.310	5.851.310
- Cổ phiếu phổ thông	5.851.310	5.851.310
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu

106
CÔNG TY
TỔNG
AN UN
I NH
ÊN TI
NG
H.T. H

H H H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Ngoại tệ các loại		
- USD	330,31	342,03
20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
		Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Doanh thu bán hàng Dược phẩm		185.262.386.359
Tổng		185.262.386.359
21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
		Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chiết khấu thương mại		1.260.693.240
Giảm giá hàng bán		67.946.707
Hàng bán bị trả lại		680.666.046
Tổng		2.009.305.993
22. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
		Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Doanh thu thuần bán hàng Dược phẩm		183.253.080.366
Tổng		183.253.080.366
23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
		Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Giá vốn của hàng bán Dược phẩm		134.791.134.292
Tổng		134.791.134.292
24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
		Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		4.314.610
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		68.692.689
Doanh thu hoạt động tài chính khác		1.471.680
Tổng		74.478.979

TNHH
ÁN V
HY-A
ÁN
JUNG
VGH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lãi tiền vay	3.226.054.184
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.049.177
Tổng	3.246.103.361

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nhân công	11.794.656.871
Chi phí vận chuyển	811.552.737
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.309.006.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.048.479.826
Chi phí các chương trình bán hàng	13.928.733.207
Chi phí khác	1.743.213.928
Tổng	30.635.643.384

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.603.648.127
Chi phí đồ dùng văn phòng	598.938.963
Chi phí khấu hao TSCĐ	470.335.410
Thuế, phí, lệ phí	809.830.687
Chi phí bằng tiền khác	4.104.986.974
Tổng	9.587.740.161

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.381.914.235
Chi phí nhân công	2.656.896.855
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.482.560.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.302.566.827
Chi phí khác bằng tiền	22.350.365.640
Tổng	140.174.304.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với hoạt động của Dự án Khu liên hợp sản xuất dược phẩm Hatipharco (gọi là "Dự án"), Công ty được miễn thuế 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo. Áp dụng mức thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi Công ty có doanh thu. Năm 2017 là năm thứ 03 Công ty được ưu đãi thuế thu nhập từ Dự án.

Công ty không hạch toán riêng thu nhập của hoạt động của Dự án với các hoạt động không được ưu đãi thuế. Do đó thu nhập của Dự án được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của Dự án trên tổng doanh thu của Công ty.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lợi nhuận trước thuế	5.083.372.048
Điều chỉnh tăng	93.274.036
- Chi phí khấu hao xe ô tô phần nguyên giá vượt 1,6 tỷ	79.010.000
- Các khoản phạt	14.264.036
Điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	5.176.646.084
Thu nhập từ hoạt động của Dự án	1.480.058.020
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế suất phổ thông	3.696.588.064
Tiền thuế TNDN truy thu theo QĐ1146 ngày 09/06/2017 của Cục thuế	55.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	942.323.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.141.048.633
Các khoản điều chỉnh:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.141.048.633
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.851.310
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	708

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

06
TY
TO
UH
NH
TR
TN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt do khu vực địa lý. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Hà Tĩnh	Hà Nội	TP Hồ Chí Minh	Thanh Hóa	Tổng cộng toàn
	VND	VND	VND	VND	Công ty VND
KẾT QUẢ KINH DOANH					
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	141.878.374.884	22.337.760.688	12.504.745.365	6.532.199.429	183.253.080.366
Khấu hao và chi phí phân bổ	98.893.049.114	20.305.099.937	9.728.350.971	5.864.634.270	134.791.134.292
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	43.157.755.341	2.032.660.751	2.603.964.823	667.565.159	48.461.946.074
TÀI SẢN					
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	2.054.899.037	-	-	-	2.054.899.037
Tài sản bộ phận	204.770.464.872	15.801.406.088	9.945.584.426	5.062.958.987	235.580.414.373
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ phải trả bộ phận cuối năm	155.120.613.165	3.312.373.306	981.745.168	227.947.745	159.642.679.384

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.19.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.165.931.407	-	10.816.725.381	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	78.668.540.006	-	75.248.418.313	-
Tổng	81.834.471.413	-	86.065.143.694	-

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	83.892.375.233	88.135.504.700
Phải trả người bán, phải trả khác	55.354.166.946	54.655.156.584
Chi phí phải trả	6.197.337.397	5.103.648.920
Tổng	145.443.879.576	147.894.310.204

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH
 KIỂM TRA VÀ CHẤM DẤU
 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương	3.165.931.407	-	-	3.165.931.407
Phải thu khách hàng, phải thu khác	78.520.540.006	148.000.000	-	78.668.540.006
Tổng	81.686.471.413	148.000.000	-	81.834.471.413
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương	10.816.725.381	-	-	10.816.725.381
Phải thu khách hàng, phải thu khác	75.200.418.313	48.000.000	-	75.248.418.313
Tổng	86.017.143.694	48.000.000	-	86.065.143.694

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	57.079.732.562	26.812.642.671	-	83.892.375.233
Phải trả người bán, phải trả khác	55.354.166.946	-	-	55.354.166.946
Chi phí phải trả	6.197.337.397	-	-	6.197.337.397
Tổng	118.631.236.905	26.812.642.671	-	145.443.879.576
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	48.417.722.026	39.717.782.674	-	88.135.504.700
Phải trả người bán, phải trả khác	54.655.156.584	-	-	54.655.156.584
Chi phí phải trả	5.103.648.920	-	-	5.103.648.920
Tổng	108.176.527.530	39.717.782.674	-	147.894.310.204

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

2-002
TINH
JAN V
JHY-A
HAN
TRUNG
T. NGH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

<u>Mối quan hệ</u>		<u>30/06/2017</u>
		VND
Phải thu khác		
- Nguyễn Đăng Phát	Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ	150.000.000
- Võ Đức Nhân	Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ	465.500.000
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		
		Từ 01/01/2017 đến
		<u>30/06/2017</u>
		VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát		1.082.768.775

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh liên quan là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh Miền Trung. Không có số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan do Công ty không lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016.

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

PHAN THỊ TÌNH

Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐĂNG PHÁT

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC KHÁNH